TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 27-8-2025.
V/v Ly hôn giữa ông Tâm và bà Duyên.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phước Thọ.

2. Bà Phạm Thu Trúc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồ Nhật Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn:
Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: số C, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Nay là: số 331, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.
Có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

* Bị đơn:
Bà Lê Thị Cẩm D, sinh năm 1994.
Địa chỉ: số C, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Nay là: số 331, ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long.
Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà Lê Thị Cẩm D tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống rất

hạnh phúc. Đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, việc ai người đó làm. Đến tháng 02/2024 thì sống ly thân cho đến nay. Do xác định tình cảm không còn nên ông xin được ly hôn với bà Lê Thị Cẩm D.

Về con chung: có Nguyễn Lê Thị Kiều L, sinh ngày 05/8/2011 đang sống với bà D và Nguyễn Lê Thạnh P, sinh ngày 13/5/2024 hiện đang sống chung với ông. Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P, bà D tiếp tục nuôi cháu L. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vì lý do hoàn cảnh gia đình, bà không thể trực tiếp tham gia vụ án nên có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Lê Thị Cẩm D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật HN&GĐ

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Cẩm D.

+ Về con chung: ông T được quyền tiếp tục nuôi Nguyễn Nguyễn Lê Thạnh P, sinh ngày 13/5/2024; bà D được quyền tiếp tục nuôi Nguyễn Lê Thị Kiều L, sinh ngày 05/8/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung: ông T khai không có.

+ Về án phí: đương sự nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn, bị đơn bà Lê Thị Cẩm D có địa chỉ cư trú tại xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nay là Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Vĩnh Long thụ lý giải quyết vụ án "*Xin ly hôn*" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn đến để tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án

ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cùng giấy triệu tập để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn bà Lê Thị Cẩm D.

[4] Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà D tự nguyện kết hôn và đã được Ủy ban nhân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/9/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tòa án đã triệu tập bà D để tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà D đều vắng mặt, cũng không có lời trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thể hiện bà D không có nhu cầu hàn gắn quan hệ hôn nhân. Từ đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

[5] Về con chung: có Nguyễn Lê Thị Kiều L, sinh ngày 05/8/2011 đang sống với bà D và Nguyễn Lê Thạnh P, sinh ngày 13/5/2024 hiện đang sống chung với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Kiều L cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của cháu Kiều L pháp luật và cũng phù hợp pháp luật. Riêng cháu Thạnh P mặc dù dưới 36 tháng tuổi nhưng cháu P hiện đang sống với ông T nên giao cháu P cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Ông T tự nguyện không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Riêng bà D, do bà không có yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con trong án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, bà được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông Nguyễn Văn T phải nộp theo quy định của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Cẩm D.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn T được quyền nuôi Nguyễn Lê Thạnh P, sinh ngày 13/5/2024. Bà Lê Thị Cẩm D được quyền nuôi Nguyễn Lê Thị Kiều L, sinh ngày 05/8/2011. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị Cẩm D được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông T khai không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Văn T phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010070 ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Ông Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long.
- Đương sự
- VKSND Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.
- Phòng THADS Khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.
- UBND xã Tiên Thủy, tỉnh Vĩnh Long.
- Văn phòng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Như Phương